

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 5 - 2023

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Xuân Bộ**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hồng Hải**

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1992. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã ĐH, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

* Bị đơn: Anh **Phạm Hữu T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã ĐH, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Hữu T ngày 28/03/2013, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã ĐH, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại cùng bố mẹ chồng tại khu 3, xã ĐH, tình cảm thời gian đầu hòa thuận, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không hợp nhau. Kể từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Phạm Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

****Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Hữu T có nhận được thông báo thụ lý của tòa án và có đến Tòa án đề nghị với thẩm phán trực tiếp phụ trách vụ án là được xem đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ chị D đã nộp theo thông báo thụ lý vụ án sau đó sẽ trình bày ý kiến của mình. Tuy nhiên khi được tiếp cận đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ chị D giao nộp, anh T đã có hành vi xé các tài liệu trong hồ sơ của Tòa án. Thẩm phán phụ trách vụ án đã báo cáo sự việc và chuyển sự việc trên đến cơ quan công an huyện Thanh Thủy giải quyết theo thẩm quyền.***

**** Qua xác minh tại chính quyền địa phương, UBND xã ĐH và hội phụ nữ xã ĐH cho biết: Chị D và anh T có hộ khẩu thường trú tại xã ĐH, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. giữa chị D và anh T có xảy ra mâu thuẫn do anh chị sống ly thân đã lâu, anh chị không có con chung, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.***

****Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T về việc thụ lý vụ án. Anh T đã biết nội dung đơn khởi kiện của chị D và đến Tòa án đề nghị được tiếp cận đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ chị D đã giao nộp, tuy nhiên sau đó anh T đã xé các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Sự việc này đã được chuyển đến cơ quan công an và giải quyết theo thẩm quyền vì vậy HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tòa án có thông báo cho anh T về các buổi làm việc và tham gia phiên hòa giải nhưng anh T không đến Tòa để làm việc, vắng mặt không có lý do, mặc dù anh T vẫn sinh sống và làm việc tại địa phương. Chị D có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, căn cứ quy định tại Khoản 1, 4 Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Chị D có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử

vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D kết hôn với anh T vào ngày 28/03/2013 việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã ĐH, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị D khai rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T mặc dù đã biết nội dung sự việc nhưng không có ý kiến gì, không đến Tòa án làm việc.

Xét thấy, trên thực tế trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải tại Tòa án. Có thể thấy anh T không muốn đoàn tụ gia đình. HĐXX nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, không có cơ hội hàn gắn để đoàn tụ gia đình. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp.

[2] Về con chung: Không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Hữu T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006134 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm

yết theo quy định của pháp luật, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ĐH (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Xuân Bộ

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ĐH (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Bộ